

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 29-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Hợp.

Ông Nguyễn Văn Thụ.

Bà H Phương Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hằng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 03 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hứa Văn M, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1985 tại xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm B, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn R1 (đã chết) và bà Ngọc Thị R2; có vợ là Nông Thị R3, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-10-2017 đến nay; có mặt.

2. La Đức P (tên gọi khác: E), sinh ngày 07-10-1989 tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Đức Y1 và bà Ngọc Thị Y2; có vợ là La Thu Y3, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-10-2017 đến nay; có mặt.

3. Tăng Tuấn H (tên gọi khác: A), sinh ngày 14 tháng 11 năm 1988 tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Văn Z1 (đã chết) và bà Nông Thị Z2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-10-2017 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa:

1. Luật sư Trần Thị T thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Thị U - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Hứa Văn M; có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Thị U thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Thị U - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Tăng Tuấn H; có mặt.

3. Luật sư Hoàng Minh N thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Đình - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo La Đức P; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phùng Thị D, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: 265, tổ 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Nguyễn Văn I, Siêu thị điện thoại I, địa chỉ: thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 10 phút ngày 14 tháng 10 năm 2017, Công an huyện H phối hợp với Đoàn Biên phòng Cửa khẩu V thực hiện nhiệm vụ tại khu vực sông Q

thuộc xóm B, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện, bắt quả tang Hứa Văn M đang vận chuyển trái phép chất ma túy bằng xe mô tô Hon da hiệu AIRBLADE màu đỏ đen không có biển kiểm soát, thu giữ trong cốp xe 01 túi ni lon màu đen, bên trong có 01 túi ni lon màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng, M thừa nhận vừa mua với C (người Trung Quốc) để đưa cho La Đức P cùng một người nữa đang đợi ở nhà của M để lấy ma túy đá. Cơ quan chức năng đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với La Đức P, Tăng Tuấn H.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng, vật chứng thu giữ của Hứa Văn M có khối lượng là 980,98g (chín trăm tám mươi phẩy chín mươi tám gam).

Tại Bản kết luận giám định số: 5342/(C54(TT2) ngày 16-11-2017 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Mẫu tinh thể màu trắng trong túi ni lon gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 70,6%”. Methamphetamine là chất ma túy, STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra xác định được từ việc buôn bán gạo và hàng đông lạnh sang Trung Quốc, M quen biết C (người Trung Quốc) và La Đức P, có lần nói chuyện qua điện thoại P hỏi M nếu có ma túy đá loại tốt thì lấy cho P để sử dụng nên M đã hỏi và được C đồng ý. Ngày 13-10-2017, C gọi điện thoại cho M là có ma túy tốt giá là 260.000.000,0đ/ 01 kg (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), M thông báo cho P là có tiền thì mới lấy được ma túy, giá là 290.000.000,0đ/ 01 kg (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Cùng ngày P gọi điện thoại cho Tăng Tuấn H thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ O ở tổ 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng để cùng sử dụng ma túy đá. Sau khi sử dụng ma túy đá xong thì có một người tên S ở G1 mà P và H đều quen biết gõ cửa phòng hỏi: “Hai anh có tìm được ma túy giúp em không”, H nói: “Anh không biết, em hỏi E (tức La Đức P) ấy”, còn P nói: “Đưa tiền đây anh đi mua cho, có tiền thì người ta mới lấy ma túy đá cho được”, S đi ra khỏi phòng gọi điện thoại và quay lại nói: “Tiền thì ngày mai họ sẽ gửi lên”. Đêm hôm đó P, H, S đi taxi từ nhà nghỉ O ra thành phố Cao Bằng và thuê phòng nghỉ ở khách sạn Đ thuộc phường G2 để chờ tiền. Sáng 14-10-2017, M gọi điện thoại cho P thì P nói buổi chiều mới xuống được. Khoảng 10 giờ cùng ngày S nói: “Tiền đến rồi” và đi ra khỏi phòng. Khi S quay lại thì đi bằng xe taxi biển kiểm soát 20 (các số sau không rõ) và cùng P, H đi vào huyện K. Trên đường đi S đưa cho P một tệp tiền loại mệnh giá 500.000,0đ nhưng H và P nói đi xe không đếm được. Khi đến nhà nghỉ O, S đưa tiền cho P, khi H từ phòng vệ sinh ra thấy P ngồi trên giường đếm tiền, P nói là đủ rồi và gọi điện

thoại cho M biết là có 200.000.000,0đ (Hai trăm triệu đồng), M nói sẽ lấy ma túy cho trước, số tiền còn nợ sẽ trả sau nên P cùng H đi taxi đến nhà M ở xóm B, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hai người đi vào nhà M, P đưa tiền cho M rồi cùng H lên tầng hai ngủ chờ M đi lấy ma túy đá.

Trước khi đi, M gọi cho C đưa ma túy ra bờ sông bên Trung Quốc và đi xe mô tô Hon da AIRBLADE để lấy ma túy đá. Khi đến xóm F, xã L, huyện H, M để xe mô tô ở cạnh đường và đi mải sang Trung Quốc đưa cho C 200.000.000,0đ (Hai trăm triệu đồng) và hẹn số tiền còn thiếu sẽ trả sau. Sau khi nhận ma túy với C, M quay về Việt Nam và để túi ma túy đá trong cốp xe mô tô, trên đường về cách nhà khoảng 01km thì bị Công an huyện H phối hợp với Đoàn Biên phòng Cửa khẩu V bắt quả tang, đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày thì La Đức P và Tăng Tuấn H cũng bị bắt. Ngoài lần bị bắt quả tang M còn khai nhận trước đó khoảng một tháng P đưa cho M 5.000.000,0đ (Năm triệu đồng) để mua ma túy đá sử dụng, M sang Trung Quốc mua ma túy đá với C số tiền 3.500.000,đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) đưa cho P, số tiền còn lại 1.500.000,0đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) M chi tiêu cho bản thân hết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết quả cân xác định trọng lượng vật chứng và Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng đối với vật chứng thu giữ của Hứa Văn M.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra bản Cáo trạng số: 02/CTr-VKSCB(P1) ngày 05-02-2018 truy tố Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Hứa Văn M 20 năm tù; áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: La Đức P 18 năm tù; áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Tăng Tuấn H từ 16 năm đến 18 năm tù.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án tịch thu tiêu hủy 01 hộp niêm phong vật chứng vụ án; tịch thu phát mại 01 xe mô tô Hon da AIRBLAED, tiền thu được trả cho bà Phùng Thị D 23.000.000,0đ (hai mươi ba triệu đồng), số tiền còn lại sung vào ngân sách Nhà nước; tịch thu phát mại 02 điện thoại di động; trả lại cho Hứa Văn M, Tăng Tuấn H mỗi người 01 điện thoại di động Nokia.

Luật sư Trần Thị T bào chữa cho bị cáo Hứa Văn M nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên về việc truy tố Hứa Văn M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự. M phạm tội vì mục đích háms lời nhưng ma túy mua về chưa kịp tiêu thụ đã bị bắt giữ nên chưa được hưởng lợi nhuận từ việc mua bán ma túy. Sau khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định mức án phù hợp để bị cáo sớm được tái hòa nhập cộng đồng. Bị cáo Hứa Văn M nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư, không có lời bào chữa bổ sung.

Luật sư Hoàng Minh N bào chữa cho bị cáo La Đức P đồng tình kết luận của Kiểm sát viên truy tố La Đức P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự, ngày 13-10-2017 P nhận lời giúp S và chuyển tiền cho M để mua ma túy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, gia đình bị cáo có ông nội, bà nội được tặng thưởng Huân chương, mẹ bị cáo được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo với mức án nhẹ nhất. Bị cáo La Đức P nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư, không có lời bào chữa bổ sung.

Luật sư Nguyễn Thị U bào chữa cho bị cáo Tăng Tuấn H xác định nếu việc mua bán ma túy trót lọt thì H cũng không được hưởng lợi ích gì, bị cáo giúp sức cho việc mua bán ma túy với mức độ hạn chế, chỉ hỗ trợ về mặt tinh thần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vụ án một cách toàn diện và cho H hưởng mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo Tăng Tuấn H nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư, không có ý kiến bổ sung.

Trong lời nói sau cùng cả ba bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phùng Thị D đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 01 chiếc xe mô tô Hon da AIRBLAED do Hứa Văn M còn nợ 23.000.000,0đ (Hai mươi ba triệu đồng) khi mua chiếc xe này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng và Đoàn Biên phòng Cửa khẩu V lập hồi 17 giờ ngày 14-10-2017; Biên bản niêm phong tang vật hồi 17 giờ 30 phút ngày 14-10-2017; Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng hồi 9 giờ 55 phút ngày 17-10-2017; Kết luận giám định số 5342/C54(TT2) ngày 16-11-2017 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong túi ni lon gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H đã có hành vi bán trái phép 980,98 gam Methamphetamine, hành vi đó của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H là đặc biệt nghiêm trọng, mua bán trái phép chất ma túy với số lượng lớn, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, hành vi đó góp phần làm gia

tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Hứa Văn M có nhân thân tốt, thể hiện ở việc bị cáo chưa có lần nào bị kết án hoặc xử phạt hành chính. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần do ngoài lần mua bán trái phép 980,98 gam Methamphetamine vào ngày 14-10-2017 thì trước khi bị bắt khoảng một tháng M sang Trung Quốc mua Methamphetamine về bán cho La Đức P với số tiền là 5.000.000,0đ (năm triệu đồng). Ngoài tình tiết tăng nặng nêu trên, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú tự mình khai ra hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi bị bắt, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo là ông Hứa Văn R1 có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo La Đức P, Tăng Tuấn H có nhân thân tốt, chưa có lần nào bị kết án hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính, các bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, các bị cáo đều tham gia thực hiện tội phạm với vai trò là người đồng phạm giúp sức, La Đức P giúp sức cho đối tượng tên S mua ma túy với M, còn H giúp sức hỗ trợ về mặt tinh thần đi theo P để giao tiền và nhận ma túy với M nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất đồng phạm để quyết định hình phạt và giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, Tăng Tuấn H là người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án có vai trò không đáng kể nên mức hình phạt cũng nhẹ hơn so với P.

[4] Hình phạt bổ sung: khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”*. Xét thấy các bị cáo có nghề nghiệp là trồng trọt, lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, các bị cáo không có chức vụ, nghề hoặc công việc nhất định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả ba bị cáo.

[5] Việc xử lý vật chứng:

+ 01 hộp hình chữ nhật còn nguyên niêm phong bên ngoài ghi vật chứng vụ Hứa Văn M cùng đồng bọn tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 14-10-2017 là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

+ Tịch thu phát mại lấy tiền sung vào ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động, trong đó: 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu trắng thu giữ của Hứa Văn M, 01 chiếc nhãn hiệu Sam sung màu đen thu giữ của La Đức P là vật chứng dùng vào việc thực hiện tội phạm.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại AIRBLAED, không có biển kiểm soát là phương tiện Hứa Văn M dùng để thực hiện tội phạm cần phải tịch thu phát mại lấy tiền sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, khi Hứa Văn M mua chiếc xe mô tô Honda AIRBLAED tại cửa hàng của bà Phùng Thị D với giá 43.000.000,0đ (Bốn mươi ba triệu đồng) thì M mới trả được một phần với số tiền là 20.000.000,0đ (Hai mươi triệu đồng), còn nợ cửa hàng 23.000.000,0đ (Hai mươi ba triệu đồng), nên số tiền phát mại chiếc xe mô tô trả cho bà Phùng Thị D 23.000.000,0đ (Hai mươi ba triệu đồng), số tiền còn lại sung vào ngân sách Nhà nước. Bà D yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô không có căn cứ chấp nhận.

+ Trả lại cho Hứa Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh; trả lại cho Tăng Tuấn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng đen do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hứa Văn M, La Đức P (*tên gọi khác: E*), Tăng Tuấn H (*tên gọi khác: A*) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt: Hứa Văn M 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 14-10-2017.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự

số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với cả hai bị cáo La Đức P và Tăng Tuấn H, xử phạt:

+ La Đức P 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 14-10-2017.

+ Tăng Tuấn H 15 (mười năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 14-10-2017.

3. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp chữ nhật còn nguyên niêm phong, bên ngoài ghi vật chứng vụ Hứa Văn M cùng đồng bọn tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 14-10-2017.

Tịch thu phát mại lấy tiền sung vào Ngân sách Nhà nước 02 (hai) điện thoại di động, trong đó: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung, màu đen số IMEL: 35911608000993/0 (của La Đức P); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng, số IMEL: (*#06#) 865251039694818 (của Hứa VănM).

Tịch thu phát mại 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, số loại AIRBLAED, không có biển kiểm soát, màu sơn đỏ - đen, xe đã qua sử dụng, số khung RLHJF 6037FZ201786, số máy JF63E - 1555905, không có gương chiếu hậu, loại xe hai bánh. Số tiền thu được sau khi phát mại trả cho bà Phùng Thị D, sinh năm 1955, nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng 23.000.000,0đ (Hai mươi ba triệu đồng), số tiền còn lại sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Hứa Văn M 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số IMEL: 358595063147133.

Trả lại cho Tăng Tuấn H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen, số IMEL: 356900073486962.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 16 ngày 19 tháng 01 năm 2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000,0đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hứa Văn M, La Đức P, Tăng Tuấn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phùng Thị D có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn I có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại tạm giam CA Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án; Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân